

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm  
2023*

**QUYẾT ĐỊNH  
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI  
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Đức Toàn

**Các Thẩm phán:** Ông Phạm Công Mười

Ông Cao Văn Tám

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên họp:** Ông Phạm Bá Duy – Kiểm sát viên.

Tại quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 03/2023/QĐST-HC ngày 24 tháng 3 năm 2023. Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã căn cứ vào điểm g, h khoản 1 Điều 143 của Luật tổ tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa:

- Người khởi kiện: Ông **Phan Hoàng D**, sinh năm 1970 và bà **Khưu Thị L**, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ: **Số A, ấp K, Xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**.

\* Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông **Phan Văn T**, sinh năm 1940. Địa chỉ: **Số C, đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ**

- Người bị kiện: **Ủy ban nhân dân thị xã V**. Địa chỉ: **Số A, đường C, Phường A, thị xã V, Tỉnh Sóc Trăng**.

\* Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Sơn Ngọc T1** - Chức vụ: Phó Chủ tịch **UBND thị xã V**.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông **Lê Hoàng V** - Phó Trưởng **Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã V**, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1973. Địa chỉ: **Số A, ấp K, xã V, thị xã V, Tỉnh Sóc Trăng**.

2. Ông **Trần Văn D1**, sinh năm 1951

3. Ông **Trần Văn H**, sinh năm 1967

4. Ông **Trần Văn G**, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: **Ấp K, Xã V, thị xã V, Tỉnh Sóc Trăng**.

\* Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ông Phạm Văn M**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: **Ấp K, Xã V, thị xã V, Tỉnh Sóc Trăng**.

Ngày 31/3/2023, ông **Phan Văn D2**, bà **Khuru Thị L** có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ, với lý do ông **D2**, bà **L** cho rằng các căn cứ mà Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng nêu trong Quyết định đình chỉ là không phù hợp.

Tại phiên họp, ông **Phan Văn D2** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết kháng cáo:* Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án hành chính là đúng quy định pháp luật. Ông **D2**, bà **L** kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông **D2**, bà **L**, giữ nguyên quyết định đình chỉ của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

### **XÉT THẤY:**

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Ông **Phan Hoàng D**, bà **Khuru Thị L** có đơn kháng cáo và đã làm thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật là hợp lệ nên đủ điều kiện thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã V cấp ngày 23/10/1996 cho ông **Trần Văn V1** đối với thửa đất số 74, 75 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại **ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**



Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/02/2023 (BL 268) ông **T** là người đại diện theo ủy quyền của ông **D**, bà **L** có nội dung:

*“H: Người khởi kiện ông **D** và bà **L** biết được Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số H 723604 ngày 23/10/1996 của UBND huyện (nay là thị xã) Vĩnh Châu cấp cho hộ ông **Trần Văn V1** vào thời điểm (thời gian) nào?”*

*Đ: Người khởi kiện ông **Phan Hoàng D**, bà **Khuru Thị L** và tôi biết việc **UBND thị xã V** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông **Trần Văn V1** vào khoảng trước năm 2015 (không nhớ rõ thời gian vì lâu quá rồi), sau đó ông **D** và bà **L** đã khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án **thị xã V** vào năm 2015, sau đó Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm năm 2018 tuyên buộc ông **Trần Văn Đ** (**Trần Văn Đ1**) trả lại 2,5m trên tổng số 6m tôi yêu cầu; do không đồng ý với Quyết định của Bản án Phúc thẩm ông **D** bà **L** đã làm đơn đề nghị xem xét lại vụ án theo thủ tục Giám đốc thẩm đối với Bản án số 31/2018/DS-PT ngày 05/02/2018 nhưng không được xem xét nên họ mới làm đơn khởi kiện vụ án hành chính vào năm 2020”.*

Tại cấp phúc thẩm, phía người khởi kiện cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm ông **D**, bà **L** biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do **UBND thị xã V** cấp cho ông **Trần Văn V1** vào năm 2015 là không đúng.

Xét thấy, tại Bản án sơ thẩm số 04/2017/DS-ST ngày 10/3/2017 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là ông **Phan Hoàng D**, bà **Khuru Thị L** và bị đơn là ông **Trần Văn Đ** tranh chấp đối với diện tích 141,7m<sup>2</sup> tranh chấp giữa các thửa đất 76, 73 và các thửa 74, 65 tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại **ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng**. Tại bản án thể hiện phía bị đơn là ông **Đ** trình bày “các thửa số 74, 75 và 78 do hộ ông **Trần Văn V1** đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Tại trang 5 của Bản án sơ thẩm (BL81) nhận định: “Đối với bị đơn ông **Trần Văn Đ** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong gia đình cho rằng: Toàn bộ diện tích đất tranh chấp nêu trên của gia đình ông **Đ**, vì nó nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông **Đ**. Xét thấy ý kiến trình bày của phía gia đình của ông **Đ** cũng chỉ có căn cứ chấp nhận một phần. Bởi vì, theo hiện trạng thực tế để lại cho thấy ranh đất giữa hai phần đất của hai gia đình có tồn tại đường mương thoát nước từ đầu đất ở hướng Tây giáp với đất của ông **D** chạy dài đến giáp lộ 936 và nằm sát phần đất có mái che của gia đình ông **M** (chỉ riêng đoạn đường mương thoát nước từ giáp lộ 936 về hướng Đông giáp **sông V** hiện tại đã bị bồi lấp hiện trạng không còn). Đồng thời tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông **Đ** do không có đo đạc, xác định ranh giới giữa các thửa đất liền kề, cho nên dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ gia đình



của ông **D** bao trùm qua một phần diện tích đất của gia đình ông **D**, không đúng với hiện trạng thực mà hai bên đã sử dụng từ trước đến nay”. Có cơ sở xác định ông **D**, bà **L** biết và buộc phải biết **UBND thị xã V** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa cho ông **Trần Văn V1** đối với thửa đất số 74, 75 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại **ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng** từ năm 2017.

Như vậy, trong trường hợp lời trình bày của ông **T** với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông **D**, bà **L1** là không chính xác, không được ông **D**, bà **L** thừa nhận thì cũng có căn cứ xác định ông **D**, bà **L** đã biết **UBND thị xã V** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Trần Văn V1** từ năm 2017.

Theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng năm 2015 về thời hiệu khởi kiện: “1. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện; 2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau: a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc”.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày 05/9/2020 ông **D**, bà **L** nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H723604 ngày 23/10/1996 của **UBND huyện V** cho ông **Trần Văn V1** là đã hết thời hiệu khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Đối với yêu cầu Tòa án buộc **Ủy ban nhân dân thị xã V** (cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thực hiện nhiệm vụ công vụ là cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 64, 76 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại **ấp K, Xã V, thị xã V tỉnh Sóc Trăng** cho ông **Phan Hoàng Đ2** và bà **Khưu Thị L** theo đúng với kết quả đo đạc của **cơ quan Tài nguyên và Môi trường tỉnh S**.

Theo quy định tại Khoản 3, khoản 4 Điều 3 Luật tố tụng hành chính năm 2015 giải thích từ ngữ:

“3. Hành vi hành chính là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước **thực hiện** hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

4. Hành vi hành chính bị kiện là hành vi quy định tại khoản 3 Điều này mà **hành vi** đó làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.



Theo quy định tại khoản 1 Điều 115 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 quy định về quyền khởi kiện vụ án: “1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khởi kiện vụ án đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật buộc thôi việc trong trường hợp không đồng ý với quyết định, hành vi đó hoặc đã khiếu nại với người có thẩm quyền giải quyết, nhưng hết thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật mà khiếu nại không được giải quyết hoặc đã được giải quyết nhưng không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại về quyết định, hành vi đó”.

Hồ sơ vụ án không thể hiện ông **D**, bà **L** đã làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 64, 76 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại **ấp K, Xã V, thị xã V tỉnh Sóc Trăng** cho ông **D**, **L** theo đúng với kết quả đo đạc của cơ quan Tài nguyên và Môi trường tỉnh **S** nhưng **UBND thị xã V** không thực hiện. Như vậy, hành vi hành chính không cấp đổi giấy chứng nhận QSDĐ của **UBND thị xã V** là chưa ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông **D**, bà **L**. Do đó, ông **D**, bà **L** chưa có quyền khởi kiện đối với hành vi hành chính bị kiện là hành vi không cấp đổi GCN QSDĐ cho ông **D**, bà **L** của **UBND thị xã V**.

Căn cứ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 quy định: “1. Tòa án quyết định đình chỉ giải quyết vụ án trong các trường hợp sau đây: h) Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 123 của Luật này mà Tòa án đã thụ lý”.

Tại khoản 1 Điều 123 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 quy định: “1. Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện trong những trường hợp sau đây: a) Người khởi kiện không có quyền khởi kiện”.

Từ các nhận định nêu trên có cơ sở xác định ông **D**, bà **L** chưa có quyền khởi kiện đối với hành vi hành chính không cấp đổi giấy chứng nhận của **UBND thị xã V**, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết là không phù hợp với quy định của pháp luật, thuộc trường hợp phải đình chỉ giải quyết theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông **D**, bà **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc **UBND thị xã V** phải cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **D**, bà **L** là không thuộc đối tượng khởi kiện và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án trong vụ án hành chính là chưa phù hợp. Tuy nhiên, về hậu quả pháp lý là không thay đổi nên không cần thiết phải hủy Quyết định đình chỉ của Tòa án cấp sơ thẩm để ban hành lại.

[2.3] Ông **Phan Hoàng D**, bà **Khuru Thị L** kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên Hội đồng phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông **D**, bà **L**, giữ nguyên quyết định của cấp sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông **Phan Hoàng D**, bà **Khuru Thị L** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng.

Căn cứ vào Điều 243 của Luật tổ tụng hành chính;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông **Phan Hoàng D**, bà **Khuru Thị L**. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 03/2023/QĐST-HC ngày 24/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông **Phan Hoàng D** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cân trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm mà ông **Phan Hoàng D** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008364 ngày 14/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Ông **Phan Hoàng D** đã nộp đủ.

- Bà **Khuru Thị L** phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được cân trừ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm mà bà **Khuru Thị L** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008365 ngày 14/4/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Bà **Khuru Thị L** đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ban hành./.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THA dân sự tỉnh Sóc Trăng;
- Dương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Vũ Đức Toàn**

